

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 10 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 14, TẠI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ TN

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lan Anh	01	01	7,5	Bảy rưỡi	
2	Vũ Hải Cường	02	18	7,5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Thị Kim Dung	03	80	7,5	Bảy rưỡi	
4	Trần Tiến Dũng	04	24	7,5	Bảy rưỡi	
5	Lưu Trung Dũng	05	12	7,0	Bảy	
6	Nguyễn Đức Dũng	06	08	6,5	Sáu rưỡi	
7	Đỗ Thị Mai Duyên	07	13	7,0	Bảy	
8	Phạm Thùy Dương	08	22	7,5	Bảy rưỡi	
9	Vũ Đức Giang	09	03	6,5	Sáu rưỡi	
10	Hùng Thị Hương Giang	10	26	7,5	Bảy rưỡi	
11	Phạm Thị Hải	11	28	7,5	Bảy rưỡi	
12	Đoàn Văn Hải	12	37	7,5	Bảy rưỡi	
13	Phạm Thị Hồng Hạnh	13	27	7,0	Bảy	
14	Phan Thị Hào	14	47	7,5	Bảy rưỡi	
15	Hoàng Tú Hằng	15	56	7,5	Bảy rưỡi	
16	Dương Thị Thu Hiền	16	36	7,5	Bảy rưỡi	
17	Lương Thị Hiếu	17	41	8,0	Tám	
18	Lê Thị Thanh Hoa	18	20	7,5	Bảy rưỡi	
19	Phạm Thị Thanh Hoa	19	71	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Thị Hồng	20	33	7,5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Ngọc Huân	21	44	8,0	Tám	



STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Chu Thị Huê	22	50	7,5	Bảy rưỡi	
23	Lý Thị Huệ	23	66	7,0	Bảy	
24	Hoàng Anh Hùng	24	09	7,0	Bảy	
25	Nguyễn Quốc Hưng	25	32	7,5	Bảy rưỡi	
26	Chu Thu Hương	26	79	7,5	Bảy rưỡi	
27	Phùng Lan Hương	27	30	7,5	Bảy rưỡi	
28	Ngô Thị Minh Hương	28	68	7,5	Bảy rưỡi	
29	Trần Quang Huy	29	70	7,5	Bảy rưỡi	
30	Trần Thị Thanh Huyền	30	75	7,5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Văn Kiên	31	59	7,5	Bảy rưỡi	
32	Đỗ Thị Mỹ Lệ	32	10	7,5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Hồng Liêm	33	46	7,5	Bảy rưỡi	
34	Dương Thùy Linh	34	07	8,0	Tám	
35	Đàm Bảo Lộc	35	49	7,5	Bảy rưỡi	
36	Phạm Thị Mến	36	02	7,0	Bảy	
37	Dương Thu Minh	37	05	7,5	Bảy rưỡi	
38	Lê Thị Minh	38	38	7,5	Bảy rưỡi	
39	Mông Thúy Nga	39	35	8,0	Tám	
40	Đào Thị Quỳnh Nga	40	73	7,5	Bảy rưỡi	
41	Đào Thị Nguyên	41	76	7,5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Nguyệt	42	62	7,5	Bảy rưỡi	
43	Chu Văn Nhã	43	19	7,5	Bảy rưỡi	
44	Quách Thị Sa Ny	44	31	7,0	Bảy	
45	Nguyễn Thị Kim Oanh	45	42	8,0	Tám	
46	Lại Thị Phúc	46	63	7,5	Bảy rưỡi	
47	Phạm Mai Phương	47	60	7,5	Bảy rưỡi	
48	Vũ Thị Minh Phương	48	65	7,5	Bảy rưỡi	
49	Mưu Thúy Phượng	49	77	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Đỗ Ngọc Phượng	50	55	8,0	Tám	
51	Nguyễn Bá Quang	51	58	8,0	Tám	
52	Nguyễn Quang	52	48	7,0	Bảy	
53	Trần Thị Quyên	53	64	7,0	Bảy	
54	Dương Thị Quỳnh	54	51	8,0	Tám	
55	Vũ Trọng Quỳnh	55	34	8,0	Tám	
56	Nguyễn Thị Sáu	56	40	8,0	Tám	
57	Tạ Văn Sớm	57	39	7,5	Bảy rưỡi	
58	Trần Thị Minh Tâm	58	74	7,5	Bảy rưỡi	
59	Phạm Xuân Thái	59	23	7,5	Bảy rưỡi	
60	La Hồng Thái	60	43	7,0	Bảy	
61	Đào Thị Phương Thanh	61	78	8,0	Tám	
62	Phạm Đức Thành	62	72	7,5	Bảy rưỡi	
63	Đoàn Thị Thành	63	67	7,5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Văn Thành	64	04	8,0	Tám	
65	Tạ Đức Thịnh	65	16	7,0	Bảy	
66	Vũ Thị Thu	66	21	8,0	Tám	
67	Nguyễn Hữu Thu	67	81	7,5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thị Minh Thu	68	57	7,5	Bảy rưỡi	
69	Trần Thị Thùy	69	53	7,5	Bảy rưỡi	
70	Nguyễn Thị Chung Thủy	70	69	7,5	Bảy rưỡi	
71	Hoàng Minh Tiến	71	61	7,0	Bảy	
72	Trần Thị Trang	72	45	7,5	Bảy rưỡi	
73	Nông Thị Huyền Trang	73	25	8,0	Tám	
74	Nguyễn Thành Trung	74	54	8,0	Tám	
75	Hoàng Thị Cẩm Vân	75	06	7,5	Bảy rưỡi	
76	Đỗ Quỳnh Vi	76	29	7,5	Bảy rưỡi	
77	Vũ Thị Hương Xuân	77	15	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
78	Trần Thị Yên	78	14	8,0	Tám	
79	Đặng Hải Yến	79	52	7,5	Bảy rưỡi	
80	Đỗ Thị Hải Yến	80	17	8,0	Tám	
81	Vũ Thị Yên	81	11	8,0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên